

VỀ DI SẢN CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Tóm tắt: Công giáo đã được truyền bá vào Việt Nam khoảng trên 400 năm¹, và hiện đã là một trong những tôn giáo có nhiều tín đồ ở Việt Nam². Trong một thời gian dài, người Công giáo Việt Nam đã tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần riêng, được cẩn thận lưu giữ theo tiến trình lịch sử. Nhưng dường như không phải tất cả những giá trị đó đã được cả người Công giáo và ngoài Công giáo chấp nhận, mà ngược lại, có những nhân tố/giá trị làm nảy sinh mâu thuẫn. Do đó, đến nay vẫn còn những đánh giá khác nhau về các giá trị Công giáo, trong đó có vấn đề di sản Công giáo. Trong bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến những quan điểm, cách phân loại về di sản Công giáo Việt Nam, một số suy nghĩ về việc nghiên cứu và giải quyết những vấn đề liên quan đến di sản Công giáo ở Việt Nam, cũng như cách thức lưu giữ và khai thác di sản Công giáo cho mục tiêu phát triển.

Từ khóa: Công giáo, di sản, Việt Nam.

1. Về vấn đề di sản và di sản văn hóa

Ở Việt Nam có những cách hiểu khác nhau về khái niệm di sản: *Di sản* là sản nghiệp của người chết để lại³; *Di sản* là những công trình, những tài sản, những thứ có giá trị (về lịch sử, văn hóa, khoa học...) của người xưa để lại cho đời sau⁴; *Di sản* dùng để chỉ những gì còn lưu lại từ thời trước. Chúng ta thường nói: Di sản văn hóa truyền thống, di sản của chế độ quân chủ, di sản của chủ nghĩa thực dân... Như vậy, di sản có thể được hiểu theo nghĩa tốt và nghĩa không tốt⁵.

Dù được hiểu theo cách nào thì di sản luôn mang trong nó những *mã văn hóa* nhất định, và trên cơ sở nghiên cứu di sản, chúng ta có thể hiểu được nền văn hóa tạo ra những di sản đó. Nhìn chung, di sản được hiểu là tài sản tập thể của một cộng đồng văn hóa. Tuy nhiên, không phải tất cả

* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

các di sản đều là di sản văn hóa. Dựa trên tính giá trị và tính đặc trưng cho cộng đồng chủ thể sáng tạo, có thể coi văn hóa là một hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần đặc trưng nhất cho bản sắc của cộng đồng người, do cộng đồng con người sáng tạo, tích lũy trong quá trình hoạt động thực tiễn, và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. “Tính chất lưu truyền đã biến văn hóa của thế hệ trước thành di sản văn hóa của thế hệ sau. Vì vậy, di sản văn hóa chính là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần do một cộng đồng người sáng tạo và tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài và được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau”⁶.

Chúng tôi cho rằng quan niệm về vấn đề di sản văn hóa còn khá mới mẻ, chỉ thực sự được chú ý từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, đặc biệt là từ năm 1970 khi xuất hiện *Công ước quốc tế về di sản*.

Tại Việt Nam hiện nay, vấn đề di sản văn hóa đã được luật hóa trong *Luật Di sản văn hóa*. Theo đó, Di sản văn hóa “bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”⁷.

Di sản văn hóa được phân loại theo một số cách sau⁸:

- Phân loại theo khả năng thỏa mãn nhu cầu hay theo mục đích sử dụng của di sản văn hóa⁹;
- Phân loại di sản văn hóa theo lĩnh vực hoạt động của con người;
- Phân loại theo hình thái biểu hiện của di sản văn hóa¹⁰. Xét về hình thức biểu hiện, nhà nghiên cứu Hoàng Vinh cho rằng *di sản văn hóa tồn tại theo ba hình thái: Vật thể; Phi vật thể; Con người (các nghệ nhân, danh nhân văn hóa)*. Đây cũng là cách phân chia được chúng tôi sử dụng làm cơ sở tham chiếu để có những đánh giá về di sản Công giáo ở Việt Nam.

Những di sản văn hóa gắn với yếu tố tôn giáo luôn chiếm tỷ lệ khá lớn trong kho tàng văn hóa nói chung của nhân loại. Chúng tôi đồng ý với ý kiến cho rằng quá trình hình thành di sản văn hóa còn song hành với quá trình linh thiêng hóa di sản đó (đặc biệt là đối với các di sản tôn giáo).

Ngoài ra, hiện nay còn có thể bắt gặp các thuật ngữ khác nhau liên quan đến di sản, như: *Di sản lịch sử, di sản tinh thần, di sản truyền miệng, di sản văn hóa sống...* Đường như thuật ngữ *di sản* ngày càng trở nên phổ biến và đang tiếp tục được bồi đắp thêm những lớp nghĩa mới.

Quá trình di sản hóa cũng có thể kéo theo những vấn đề như xung đột liên quan đến quyền sở hữu di sản, bất đồng trong việc duy trì di sản với việc cải thiện đời sống của cộng đồng dân cư là chủ thể gắn bó trực tiếp với di sản đó. Chẳng hạn, nếu coi *di sản văn hóa phi vật thể là cách thực hành về văn hóa, phong tục tập quán, tri thức của địa phương,...* là sản phẩm chung của một cộng đồng, được truyền từ thế hệ nọ sang thế hệ kia thì khi trở thành di sản, những vấn đề có thể sẽ nảy sinh là: Cộng đồng địa phương có thể bị tước quyền thực hành di sản đó, đặc quyền thực hành di sản rơi vào tay các thiết chế du lịch, kinh tế, chính trị; người ta phải tạo một đường biên giới quanh di sản để phân biệt với các đối tượng khác, khiến nó có thể bị cô lập, đóng băng trong sự cố định.

Đối tượng được gọi là di sản văn hóa tại Việt Nam đã được quy định rõ trong *Luật Di sản văn hóa*. Mặc dù vậy, quyền sở hữu di sản có lẽ sẽ còn là vấn đề lớn còn tồn tại lâu dài, vì trong khi xu hướng tư nhân hóa đang rất phổ biến ở Phương Tây thì trong một thời gian dài xu hướng tập thể hóa quyền sở hữu di sản với vai trò của nhà nước vẫn là xu hướng chủ đạo ở Việt Nam. Dù theo xu hướng nào, thì yếu tố quyết định đến khả năng bảo tồn và phát huy giá trị của di sản phục vụ cho những lợi ích của cộng đồng vẫn là trình độ nhận thức của con người đối với di sản văn hóa.

Cuối cùng, có thể tạm rút ra một số điều đáng chú ý sau về di sản:

- Di sản có thể là hữu hình, cũng có thể là vô hình (quen gọi là vật thể và phi vật thể), là tài sản tinh thần hoặc tài sản vật chất do lịch sử để lại hoặc do thiên nhiên tạo ra mà con người có thể cảm nhận và đánh giá được.
- Di sản chính là phương tiện để con người hiện tại tìm hiểu về quá khứ, đồng thời cũng có thể được ứng dụng để phục vụ cho những nhu cầu, mục đích của đời sống hiện tại của họ.
- Di sản có thể là những thứ có giá trị cũng có thể là những thứ có tác hại đối với xã hội, tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể.
- Khi một di sản được gọi là di sản văn hóa, chúng thường mang ý nghĩa tích cực nhiều hơn.

2. Di sản Công giáo Việt Nam

2.1. Về khái niệm Di sản Công giáo

Chúng tôi đặt giả thuyết rằng *Di sản Công giáo Việt Nam* khá đa dạng, và có những giá trị riêng của nó về mặt ngôn ngữ, kiến trúc, nghệ thuật,...

Trên phạm vi toàn cầu, di sản Công giáo chỉ có khi Công giáo đã ra đời và tạo được dấu ấn văn hóa nhất định lên cộng đồng tôn giáo đó. Cách hiểu thuật ngữ *di sản Công giáo* cần chú ý đến những điểm sau:

- Dưới góc độ ngôn ngữ, *di sản Công giáo* là những cái mà một cá nhân, hoặc cộng đồng người Công giáo nhất định thừa hưởng từ quá khứ, chúng còn được lưu lại từ thời trước, có liên quan đến Công giáo và mang tính Công giáo.

- Dưới góc độ lịch sử, ở Việt Nam thuật ngữ *di sản Công giáo* đã được nhắc tới tuy còn hạn chế trong một số công trình nghiên cứu, bài viết về Công giáo. Dù không chỉ ra một cách cụ thể di sản Công giáo là những gì, nhưng xu hướng chung của các công trình nghiên cứu, các bài viết này là mặc định *di sản Công giáo* như một khái niệm bao chứa những yếu tố vật chất và tinh thần được truyền thừa, phục vụ cho đời sống của giáo dân liên quan đến Công giáo, hoặc có yếu tố Công giáo.

Do đó, di sản Công giáo có thể là những di tích, di vật, các trước tác, tác phẩm nghệ thuật, cho đến lối sống, đạo đức... của người Công giáo, hoặc của những cộng đồng, những dạng vật chất có tính Công giáo có giá trị trường tồn theo thời gian.

2.2. Di sản theo quy định của Giáo luật Công giáo

Theo quy định trong luật pháp, tài sản có thể được chia làm các loại tài sản *hữu hình* (những đồ vật thấy được, sờ được) và tài sản *vô hình* (không thể thấy được mà chỉ có thể hình dung được trong lý trí). Tài sản hữu hình được chia thành *động sản* và *bất động sản*. Giáo luật Công giáo không có quy định cụ thể về vấn đề di sản, nhưng có những quy định về tài sản quý giá và việc lưu giữ, sử dụng những nơi thánh thiêng.

Trong *Mục lục phân tích* của *Giáo luật 1983* có đưa ra những chỉ dẫn liên quan đến di sản như sau:

Di sản (patrimonium):

- Của tu hội thánh hiến được tạo thành do tinh thần và các dự kiến của đáng sáng lập và do các truyền thống lành mạnh phải được giữ nguyên vẹn và trung thành; di sản triết học có giá trị vĩnh cửu phải được dạy trong chủng viện.

- Tài chính: khi nhiều pháp nhân “công” hợp lại; hoặc một tập thể được phân chia; hay khi những pháp nhân, mặc dù tư, chấm dứt; về

những dịch vụ do đó tình trạng di sản của pháp nhân có thể bị suy giảm; mọi thay đổi phải được ghi trong bản kê khai; về việc biếu tặng các động sản; về việc chuyển nhượng những tài sản¹¹.

Giáo luật 1983 quy định chỉ có tài sản của những pháp nhân “công” mới được coi là tài sản của Giáo hội. Có những pháp nhân mang tính cách “công” do chính nhà lập pháp ban cấp, như Hội đồng giám mục, giáo tỉnh, giáo phận, giáo xứ, chủng viện, dòng tu, tu viện; có những pháp nhân khác được nhìn nhận tính cách “công” qua một nghị định của nhà cầm quyền, ví dụ như một hiệp hội.

Cụ thể hơn, trong phạm vi phân loại của giáo luật, tài sản gồm:

- Đồ vật thánh (*res Sacrae*): Là những nơi hay đồ vật đã được dành vào việc phụng tự do việc cung hiến hay chúc lành (điều 1171), thí dụ như: các tượng ảnh (điều 1188), hài cốt các thánh (điều 1190), các nhà thờ nhà nguyện (các điều 1205, 1214, 1223), nghĩa trang (điều 1240). Tuy rằng không phải tất cả các đồ vật thánh đều có thể được coi là tài sản của Giáo hội Công giáo, nhưng giáo luật đã đặt một số quy tắc trong việc sử dụng hay chuyển nhượng (các điều 1171, 1269, 1376).

- Đồ quý giá (*res Pretiosae*): Những đồ quý giá không hẳn là đồ thánh, nhưng được coi là quý giá vì lý do lịch sử, nghệ thuật, lòng quý mến của dân gian. Giáo luật can thiệp vào việc chuyển nhượng các đồ quý giá ấy khi chúng thuộc về các pháp nhân dù công hay tư của Giáo hội (triệt 3 điều 638, điều 1189, triệt 2 điều 1220, điều 1283, triệt 2 điều 1292)¹².

Ngày nay, các trung tâm hành hương, đặc biệt là những trung tâm hành hương gắn với hình tượng Đức Mẹ¹³ luôn thu hút được sự quan tâm của tín đồ. Điều 1186 trong Giáo luật quy định: “Để cổ vũ việc thánh hóa đoàn dân Chúa, Giáo hội khuyến nhủ các Kitô hữu hãy lấy tình con thảo mà tôn kính đặc biệt Đức Maria rất thánh, trọn đời đồng trinh, là Mẹ Thiên Chúa, là Đấng đã được Đức Kitô đặt làm mẹ mọi người, và Giáo hội cổ vũ lòng sùng kính thành thật và chân chính đối với các vị thánh khác, là những Đấng thực ra đang dạy dỗ các Kitô hữu bằng gương sáng của mình và đang nâng đỡ họ bằng việc nguyện giúp cầu thay”¹⁴. Quy định này kích thích cho sự phát triển của các lễ hội, trung tâm hành hương gắn với Đức Mẹ và các vị “thánh tử đạo”, nó lại càng có cơ hội phát triển, đặc biệt là đối với những quốc gia coi trọng yếu tố nữ và coi trọng việc tôn kính người quá cố như Việt Nam.

Về vấn đề cơ sở thờ tự, đối với Công giáo sơ khởi, các cơ sở dành cho việc phụng tự chỉ là mối quan tâm thứ yếu, vì lễ trọng tâm của đền thờ dành cho những con người sống bằng xương bằng thịt. Phải đến khi Kitô giáo được hưởng tự do trong Đế quốc La Mã, việc xây cất những nơi thờ tự với đủ loại kiến trúc mới được chú ý. Trong ngôn ngữ Latinh, danh xưng các nơi thờ phụng ấy trùng với danh xưng của công đồng (*ecclesia, church*) có lẽ với hàm ý rằng đó là nhà của giáo hội, nghĩa là nơi để các tín hữu họp lại thành giáo hội để dâng lời ca ngợi thiên chúa, nơi mà cộng đồng giáo hội biểu lộ tính cách hợp nhất và đa nguyên. *Hiến chế về phụng vụ* sau Công đồng Vatican II, viết Giáo hội chấp nhận hết mọi kiểu mẫu nghệ thuật của các dân tộc, miễn là phù hợp với những đòi hỏi của việc cử hành lễ nghi Công giáo và tính cách thánh thiêng của nơi thờ tự.

Giáo luật cũng có những quy định về việc xây dựng nhà để chứa các loại tài sản hay sách vở tại các giáo xứ. Đó là nơi lưu trữ các thư tịch liên quan đến lịch sử phát triển của các giáo xứ nói riêng, cũng như Công giáo nói chung. Việc xây cất các nhà truyền thống, bảo tàng,... thường do giám mục giáo phận quyết định. Do đó, việc lưu giữ di sản Công giáo tùy thuộc vào người đứng đầu giáo phận.

2.3. Một số đặc điểm di sản Công giáo Việt Nam

Vì Công giáo là tôn giáo được hình thành trong xã hội duy lý kiểu Phương Tây, có cơ cấu phẩm trật, giáo lý, giáo luật rất chặt chẽ nên khi được truyền vào Việt Nam nó có xu hướng lấn át và làm biến đổi những yếu tố bản địa trong văn hóa truyền thống nơi các tín đồ. Tuy nhiên, trước một nền văn hóa đã có bề dày văn hiến như Việt Nam, Công giáo cũng cần có những cách thức hội nhập nhất định với văn hóa bản địa của người Việt để nhằm đạt hiệu quả tối đa trong truyền giáo. Hiện tượng này thường được gọi là quá trình *giao lưu và tiếp biến văn hóa*, biểu hiện của mối giao thoa văn hóa Đông¹⁵ - Tây¹⁶. Đây là một quá trình có nhiều đường đứt gãy do sự khác biệt trong quan điểm của các dòng truyền giáo¹⁷ của Công giáo Roma, cũng như do tình hình chính trị khá phức tạp ở Việt Nam từ thế kỷ XVII đến nay. Cũng chính sự phức tạp đó đã góp phần tạo nên sự đa dạng trong văn hóa Công giáo ở Việt Nam nói riêng, trong văn hóa Việt Nam nói chung.

Sau hàng trăm năm tồn tại ở Việt Nam, Công giáo Việt Nam đã tạo ra một kho tàng di sản không nhỏ, đóng góp cho sự phong phú của nền văn hóa Việt Nam. Chúng tôi cho rằng ở lớp nghĩa rộng nhất: Di sản Công

giáo ở Việt Nam là những thứ có giá trị được thừa hưởng từ quá khứ, còn lưu lại từ thời trước, thuộc về một cộng đồng Công giáo nhất định, liên quan đến Công giáo, mang tính Công giáo và nằm trong môi trường tác giữa Công giáo với môi trường văn hóa - xã hội - chính trị Việt Nam.

Di sản công giáo ở Việt Nam có những đặc tính là:

- *Thứ nhất*, nó phải mang những tính chất của di sản, đó là tính tư liệu, tính lưu truyền, tính giá trị...;

- *Thứ hai*, đó phải là di sản mang tính chất Công giáo (ở đây chúng tôi hiểu là tính thánh thiêng được hình thành qua các nghi thức, bí tích Công giáo; hoặc là sản phẩm được tạo ra trong môi trường văn hóa Công giáo);

- *Thứ ba*, đó phải là những di sản có xuất xứ từ Việt Nam, hoặc có liên quan mật thiết đến Việt Nam.

Việc xem xét, nhìn nhận sản Công giáo ở Việt Nam có mối quan hệ của nó với các vấn đề như:

- Sự hình thành các điểm hành hương (trong đó đáng chú ý là sức cuốn hút của “Đức Mẹ”, các “thánh tử đạo” có khả năng chữa bệnh, ban phát ơn huệ);

- Cách giải quyết các vấn đề thực tiễn (như trường hợp đền thánh tử đạo ở một số địa phương, cơ sở thờ tự Công giáo);

- Giá trị nghệ thuật của kiến trúc Công giáo; hay những giá trị bên trong những cuốn sách bản, sách Nôm Đạo...

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những sự khác biệt nhất định trong quan niệm về di sản Công giáo giữa người Công giáo với người quản lý và người làm khoa học.

Ở góc độ khoa học, theo chúng tôi, các tiêu chí đánh giá di sản Công giáo có thể là: Niên đại; xuất xứ; loại hình; chất liệu; giá trị lịch sử; cách thức thẩm thấu hoặc lưu truyền; cách thức trưng bày hay phổ biến; cách thức bảo tồn và phát huy di sản Công giáo (trong đó chú ý đến tính tự thân vận động của giới Công giáo trong việc lưu giữ, tu tạo di sản của họ để nhằm những mục đích tôn giáo hoặc những mục đích khác).

Về phía Công giáo, những di sản vật thể quan trọng thường là những biểu tượng có gắn với yếu tố nước ngoài (được Tòa Thánh công nhận), như: Vương cung thánh đường¹⁸, đền thánh¹⁹; hoặc gắn với hình tượng Mẹ Maria²⁰; hoặc những pháp trường lớn, những hình cụ tra tấn gắn với

thời kỳ bắt đạo²¹; hoặc những công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật đặc biệt²², những địa danh gắn với các dấu mốc truyền giáo vào Việt Nam của Công giáo²³...

Ngoài ra, các sách kinh, bản, sách truyện các thánh, thư từ của giới giáo sĩ tại Việt Nam, bia ký... đã được tạo ra trong lịch sử phát triển hàng trăm năm của Công giáo tại Việt Nam cũng được chú ý nghiên cứu, tập hợp. Đây được coi là di sản phi vật thể nếu xét đến những nội dung bên trong nó, nhưng cũng có thể coi đó là di sản vật thể nếu xét nó ở khía cạnh tính vật chất²⁴. Thánh nhạc, nếp sống đạo, cách thức thực hành tôn giáo của Công giáo... là những di sản phi vật thể của người Công giáo.

Nhiều nhà nghiên cứu Công giáo thường xuyên nhắc đến khái niệm *Di sản đức tin Công giáo*. Theo chúng tôi, *di sản đức tin Công giáo* gắn liền với nếp sống đạo của người Công giáo (ở đây là Công giáo ở Việt Nam), nó là một thứ di sản phi vật thể, nhưng có thể bao chứa nhiều yếu tố vật thể khác. Với khái niệm này, *di sản đức tin Công giáo, gắn với đời sống tinh thần của người Công giáo Việt Nam*.

3. Phân loại di sản Công giáo Việt Nam

Có khá nhiều cách phân loại di sản văn hóa, trong đó có ba cách được quan tâm nhiều tại Việt Nam là: Phân loại theo khả năng thỏa mãn nhu cầu hay theo mục đích sử dụng của di sản văn hóa; Phân loại di sản văn hóa theo lĩnh vực hoạt động của con người; Phân loại theo hình thái biểu hiện của di sản văn hóa.

Đối với di sản Công giáo Việt Nam, có thể thấy cách phân loại theo dạng thức tồn tại của di sản là phổ biến nhất. Di sản Công giáo theo đó được tiếp cận ở các khía cạnh như: Kiến trúc Công giáo, Văn học Công giáo, Hán Nôm Công giáo, Thi ca Công giáo, Nghi lễ và lối sống Công giáo,... Tuy nhiên, ở phạm vi khái quát hơn, có thể phân loại di sản Công giáo theo hình thái biểu hiện. Theo cách này, di sản Công giáo gồm: Di sản phi vật thể và Di sản vật thể, bên cạnh đó còn có một loại tài sản đặc biệt nữa đó là nghệ nhân, danh nhân.

Bản thân di sản vật thể (hữu hình) hay di sản phi vật thể (vô hình) đều có thể được hợp thành từ các bộ phận như kiến trúc, văn thơ, nghi lễ... Về thành phần (loại hình), di sản Công giáo có thể gồm các loại: Di tích; Sách dạy giáo lý, sách giải thích từ ngữ; Giấy bằng khoán (sổ ghi danh);

Văn chương Công giáo; Nghệ thuật, các loại hình hoạt động trình diễn; Trang trí kiến trúc; Di vật, cổ vật; Hình tượng mẫu mực, biểu tượng...

Việc phân loại di sản Công giáo Việt Nam theo chúng tôi cần chú ý đến những yếu tố: Tính Công giáo của di sản; Sự khác biệt về quan niệm sở hữu, cách thức công nhận, cách thức sử dụng di sản Công giáo giữa giới Công giáo với người quản lý; Yếu tố nước ngoài (vai trò của Giáo hội Công giáo Roma) đối với vấn đề di sản Công giáo tại Việt Nam; Chức năng của di sản; Thuộc tính của di sản (trong đó có thuộc tính con người, tức là nó phải chịu ảnh hưởng từ con người, hoặc có mối liên hệ với cuộc sống của con người); Các tiêu chí để phân loại di sản cũng cần chú ý đến tính truyền thống, tính tôn giáo hoặc yếu tố địa văn hóa.

Từ những chú ý trên, dựa trên đặc thù của văn hóa Việt Nam, chúng tôi cho rằng yếu tố nghệ nhân, danh nhân trong di sản Công giáo gắn nhiều đến những đối tượng đã được thánh hóa, như những người được giới Công giáo coi là thánh, hoặc những người có vị trí đặc biệt trong lịch sử phát triển của Công giáo tại Việt Nam. Nghệ nhân, danh nhân cũng hòa mình vào trong những nghi lễ Công giáo, do đó, chúng tôi chỉ chia di sản Công giáo theo hai dạng biểu hiện là di sản vật thể và di sản phi vật thể.

3.1. Di sản vật thể của Công giáo Việt Nam

Các hiện vật Công giáo chủ yếu được sưu tập và tập trung tại các nhà thờ hoặc đại chủng viện. Có nhiều nơi trưng bày, giới thiệu di sản Công giáo, trong đó theo đánh giá của những người làm công tác bảo tàng thì có hai địa điểm đáng chú ý là Đại Chủng viện Thánh Giuse ở Tp. Hồ Chí Minh và Bảo tàng Nhà thờ gỗ ở Thành phố Kon Tum.

Đại chủng viện Thánh Giuse rất chú ý đến các di sản Công giáo, với điểm nhấn quan trọng trong trưng bày là biểu tượng “con thuyền và chiếc mỏ neo”, tạo nên sự liên tưởng đến phương tiện đưa các nhà truyền giáo tới Việt Nam; bên cạnh đó là những hiện vật liên quan đến các vị tử vì đạo, những người Công giáo bị chết trong các cuộc bạo hành vào thời kỳ cấm đạo²⁵. Bảo tàng Nhà thờ gỗ ở Thành phố Kon Tum trưng bày những hiện vật về lịch sử truyền giáo lên Tây Nguyên và quá trình hội nhập Công giáo với văn hóa của các tộc người ở Tây Nguyên nói chung và Kon Tum nói riêng.

Ở Miền Bắc cũng có một số tòa giám mục và nhà thờ có phòng lưu niệm hoặc phòng truyền thống có trưng bày tượng, ấn phẩm và hiện vật

liên quan đến văn hóa Công giáo của địa phương. Như tỉnh Nam Định có nhà thờ Bùi Chu (xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường) khánh thành bảo tàng năm 2007; nhà thờ Phú Nhai (xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường) năm 1957 đã có phòng lưu niệm, đến năm 2007 thì xây dựng phòng bảo tàng, 2 tầng, khánh thành năm 2008; nhà thờ xứ Lục Thủy (huyện Xuân Trường, Nam Định), nhà thờ Sở Kiện (Thanh Liêm, Hà Nam) có phòng lưu niệm từ trước năm 1945, do các linh mục người Pháp xây dựng...

Có thể coi các hiện vật cổ được trưng bày trong các bảo tàng hay phòng lưu niệm được chúng tôi liệt kê ở trên là những di sản Công giáo, và bản thân chính những cơ sở lưu trữ đó cũng là một dạng tài sản hữu hình của người Công giáo Việt Nam.

Chúng tôi chia di sản vật thể của Công giáo Việt Nam thành hai nhóm lớn: *Di tích, cơ sở thờ tự* và *Các di vật Công giáo*.

- Di tích, cơ sở thờ tự Công giáo

Công giáo góp phần tạo ra một hệ thống nhà thờ (thánh đường), với một số phong cách kiến trúc chính như phong cách kiến trúc truyền thống, phong cách kiến trúc Gothique, phong cách kiến trúc Baroque, phong cách kiến trúc Roman...

Việt Nam có khá nhiều nhà thờ đẹp, trong đó những nhà thờ nổi tiếng được nhiều người biết đến là: Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn, Nhà thờ Phát Diệm, Nhà thờ Sở Kiện, Nhà thờ Lớn Hà Nội...

Không gian nhà thờ Công giáo là những không gian kiến trúc - cảnh quan chứa đựng nhiều giá trị mỹ thuật, kiến trúc và các giá trị văn hóa phi vật thể khác. Nghệ thuật trang trí, điêu khắc trong các nhà thờ khá đa dạng với các hệ thống tượng thánh, tranh thánh, và nhiều phù điêu khắc họa các biểu tượng Công giáo. Ở nhiều địa phương, kiến trúc, thẩm mỹ của mỗi thánh đường còn thể hiện nét đặc trưng văn hóa của mỗi làng xã, mỗi vùng miền khác nhau. Nhà thờ xây dựng theo kiến trúc Phương Tây vẫn chiếm số lượng lớn, nhưng vẫn có cả nhà thờ xây dựng theo kiến trúc truyền thống. Ở Miền Bắc Việt Nam, nhiều nhà thờ cho xây dựng hai dãy nhà tả mạc chạy dọc hai bên sườn nhà thờ, đây là kiểu kiến trúc thường thấy trong kiến trúc truyền thống. Ở một số địa phương còn có nhà thờ được xây dựng theo kiến trúc truyền thống của các dân tộc thiểu số.

Trong không gian nhà thờ Công giáo, có những nơi dành cho sinh hoạt chung của cộng đồng, có những nơi chỉ dành cho những người thực

hành các nghi thức liên quan đến sự thánh hóa, được gọi là cung thánh. Cung thánh chính là nơi trang trọng nhất của nhà thờ Công giáo, và nhà thờ Công giáo cũng nhờ không gian này mới hội đủ chức năng của nó.

Ngoài nhà thờ cổ, còn có các cơ sở Công giáo lâu đời khác như: trụ sở dòng tu, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục, cơ sở in ấn... Tất cả đều là những tài sản do bàn tay, khối óc của con người Việt Nam tạo ra. Trong đó, có những di tích có thời gian tồn tại lâu đời, lưu giữ nhiều thông tin về những biến thiên của lịch sử đất nước, cũng có những cơ sở đã được chuyển đổi mục đích sử dụng sang phục vụ cho lợi ích của cả cộng đồng.

- Các di vật Công giáo

Mỗi di vật như tượng, kiệu, chuông, bia đá... trong các nhà thờ là những di sản của Công giáo. Về tượng, có các tượng thánh như: tượng Chúa Giêsu, tượng Đức Mẹ Maria, tượng thánh tử đạo... Ở những tượng thánh, có sự đập khuôn phong cách tượng thánh từ Châu Âu, nhưng cũng có sự Việt hóa ở những mức độ nhất định, trong đó tượng Đức Mẹ Maria có khá nhiều kiểu mẫu thiết kế khác nhau.

Trong các nhà thờ hay trong các di tích Công giáo còn có thể lưu trữ các sách Công giáo, bia đá, chuông, và các di vật khác. Các phòng trưng bày tại các Tòa Giám mục, các giáo xứ,... còn lưu giữ được rất nhiều hiện vật hiếm, được người Công giáo đặc biệt coi trọng, như: xương thánh tử đạo, các dụng cụ tra tấn, các loại kiệu, nghi trượng, sách Công giáo, kèn, trống,...

Toàn bộ tư liệu về Công giáo trong các kho lưu trữ bao gồm thư tịch và các loại khác như sách bỗn, giấy bằng khoán, hương ước, bia đá, chuông đồng, câu đối hoành phi, biển gỗ... là di sản văn hóa thành văn, di sản tư liệu có giá trị cho việc nghiên cứu về lịch sử Công giáo, lối sống đạo của người Công giáo Việt Nam cũng như cách nghĩ, quan niệm của người Công giáo trong việc quan hệ với chính quyền. Nhiều khi những điều lưu giữ này đi ngược, hoặc có sự khác biệt rất lớn với quan niệm chung của người Việt Nam đương thời.

Nhìn chung, di sản Công giáo tại Việt Nam được nhà nước công nhận rất ít ỏi, ví dụ, quần thể kiến trúc nhà thờ Phát Diệm (tỉnh Ninh Bình); chứng tích tội ác chiến tranh Tháp chuông Tam Tòa (tỉnh Quảng Bình); khu mộ các nhà truyền giáo nước ngoài tại Hội An được chính quyền tỉnh Quảng Nam công nhận là di tích lịch sử cấp tỉnh...

Di sản vật thể của Công giáo khá đa dạng về mặt số lượng, nhưng nếu xét về tỷ lệ, chúng tôi cho rằng những di sản ấy chỉ chiếm một tỷ lệ khá khiêm tốn trong kho tàng văn hiến Việt Nam. Đôi khi những di sản ấy không được bộ phận dân cư chiếm đa số (không Công giáo) thừa nhận. Tương tự, người Công giáo Việt Nam trong nhiều thời kỳ thường sống co cụm để giữ đạo với thái độ đề phòng “dân ngoại”. Những sản phẩm văn hóa do người Công giáo tạo ra do đó cũng chủ yếu được sử dụng trong đời sống đạo của giáo dân.

Dù có những biểu hiện hội nhập, tiếp thu văn hóa truyền thống như: dùng chữ Hán Nôm để viết sách kinh, bản, sách kể về hạnh tích các thánh Công giáo; xây dựng nhà thờ theo phong cách kiến trúc truyền thống; sử dụng các vật dụng như chuông ta, kiệu bát cống, trống,... thì đối với nhiều người di sản vật thể của Công giáo vẫn còn là những điều tương đối xa lạ. Dầu vậy, nếu biết khai thác một cách hợp lý thì đó vẫn là nguồn thông tin phong phú và đa dạng về nền văn hóa trong quá khứ của dân tộc ta, phản ánh tư duy khoa học và văn học nghệ thuật, tổ chức làng xã, sinh hoạt xã hội... của một bộ phận người Việt trong lịch sử. Di sản văn hóa Công giáo có đóng góp lớn trong lĩnh vực kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam, ghi lại dấu ấn của từng thời kỳ lịch sử, giúp chúng ta hiểu thêm những biến đổi về diện mạo của các di tích, đồng thời cho thấy sự phong phú của nghệ thuật kiến trúc tại Việt Nam.

3.2. Di sản văn hóa phi vật thể của Công giáo Việt Nam

Theo Luật Di sản văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể là “sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác”²⁶, có thể nhận biết chúng dựa trên các yếu tố cấu thành sau: Có giá trị văn hóa phi vật thể; Môi trường cảnh quan sinh thái nhân văn và không gian văn hóa truyền thống nơi di sản văn hóa phi vật thể được sáng tạo, lưu truyền và đang được thực hành ở địa phương; Các di vật, cổ vật, công cụ thực hành (trình diễn) văn hóa phi vật thể; Cộng đồng, cá nhân nắm giữ, truyền dạy và thực hành (trình diễn) di sản văn hóa trong cộng đồng.

Di sản văn hóa phi vật thể của người Công giáo Việt Nam có lẽ được nhận diện ở phạm vi cụ thể và hẹp hơn, bao gồm các hình thức sinh hoạt văn hóa như: ca, vè, văn, cách thức đánh trống, thổi kèn Tây... Các sinh

hoạt này gắn liền với các nghi lễ Công giáo, như lễ dâng hoa, lễ tro, châu lượt, giáng sinh... và các nghi lễ liên quan đến việc thực hành các bí tích của người Công giáo.

Đôi khi khó tách bạch di sản văn hóa phi vật thể với di sản văn hóa vật thể vì thông thường một di sản văn hóa vật thể có thể được sử dụng để thực hiện một nghi thức thuộc một dạng di sản văn hóa phi vật thể và ngược lại.

Với những thư tịch thành văn nguyên gốc được lưu trữ trên các dạng vật chất hữu hình, các chất liệu đó có thể là những di vật truyền tải những thông điệp vô hình từ quá khứ. Chẳng hạn như bia đá viết bằng chữ Latinh, chữ Pháp, chữ Hán, chữ Nôm.

Người Công giáo vừa kế thừa nhiều yếu tố của văn hóa truyền thống, đồng thời cũng đóng góp cho nền văn hóa dân tộc. Với hệ thống triết lý Công giáo, khi truyền vào Việt Nam đã được dân gian hóa thành những biểu tượng, những chuẩn mực hết sức gần gũi và thân thuộc với con người Việt Nam. Đó cũng là xu thế tất yếu, và đã được chính giới lãnh đạo Công giáo toàn cầu chấp nhận.

Di sản phi vật thể của Công giáo Việt Nam có thể là yếu tố quan trọng, có giá trị truyền đời với vai trò củng cố niềm tin của người Công giáo Việt Nam. Dựa vào đó người Công giáo có thể phân biệt và khẳng định được mình. Trong đời sống hiện đại việc tạo dấu ấn riêng cần luôn song hành với quá trình hội nhập để phát triển nền văn hóa chung của dân tộc.

4. Tạm kết

Trải qua lịch sử trên 4 thế kỷ tồn tại ở Việt Nam, dù có nhiều biến động nhưng Công giáo đã tạo lập được vị trí tương đối vững chắc trong đời sống tâm lý của một bộ phận người Việt Nam. Đi cùng với đó là một hệ thống tương đối phong phú những tài sản được coi là “di sản văn hóa” bao gồm di sản vật thể và di sản phi vật thể. Những di sản đó mang theo những mã văn hóa của lịch sử có giá trị lịch sử, giá trị Công giáo, giá trị văn hóa (tư tưởng, nghệ thuật, ngôn ngữ, văn chương, luật tục, giáo dục, truyền thống...), có thể đóng góp và tăng cường sự phong phú cho kho tàng văn hóa chung của dân tộc Việt Nam. Vì di sản Công giáo được sinh ra trong một môi trường văn hóa nhất định là xã hội Việt Nam, nên nó cũng mang theo những mã văn hóa Việt. Có thể coi di sản văn hóa và di sản Công giáo ở Việt Nam là hai vòng tròn có phần giao nhau.

Dù Công giáo ở Việt Nam đã ít nhiều chịu ảnh hưởng phong tục, tập quán và bản sắc văn hóa Việt Nam, và được Giáo hội Công giáo chấp nhận, nhưng người Công giáo Việt Nam dường như vẫn có tư tưởng vọng ngoại, biểu hiện bằng việc những di sản nào gắn với yếu tố nước ngoài, hoặc được Tòa Thánh ban tặng các danh hiệu thì luôn được coi trọng và quan tâm một cách đặc biệt.

Tại Việt Nam, những di sản văn hóa Công giáo chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong hệ thống di sản chung và phần lớn chỉ hướng đến phục vụ sinh hoạt tôn giáo của riêng Công giáo. Hiện nay, di sản vật thể của Công giáo được lưu trữ tại các kho lưu trữ, các nhà lưu niệm, bảo tàng của các nhiều giáo xứ, giáo phận, và trong các bộ sưu tập cá nhân... Bản thân các cơ sở vật chất của Công giáo cũng là những di sản có giá trị về nhiều mặt như kiến trúc, điêu khắc, hội họa... Nhiều di tích Công giáo đã trở thành những điểm hành hương Công giáo, được biết đến cả trong và ngoài nước. Trong điều kiện đời sống vật chất ngày càng được nâng cao như hiện nay thì sự tăng lên của những đòi hỏi nhằm đáp ứng về đời sống tinh thần và sự phát triển của du lịch văn hóa tâm linh sẽ là xu thế tất yếu. Do đó, di sản Công giáo sẽ được chú ý nhiều hơn, và bản thân người Công giáo cũng có nhiều cơ hội hơn trong việc giới thiệu di sản của mình, đồng thời sử dụng hiệu quả hơn những di sản đó cho cả những mục đích phục vụ niềm tin và phục vụ đời sống.

Trong công tác quản lý, vẫn còn có những cách hiểu, cách quản lý không hoàn toàn đồng nhất giữa người Công giáo Việt Nam và người làm công tác quản lý di sản. Người Công giáo Việt Nam khá thực dụng trong vấn đề gìn giữ và khai thác di sản, coi đó là một loại tài sản sống nếu nó vẫn đang phục vụ tốt cho nhu cầu tôn giáo, đồng thời sẵn sàng phá hủy nhiều di tích cổ để thay bằng những cơ sở vật chất mới. Trong khi đó, nhà quản lý đôi khi vẫn coi văn hóa Công giáo nói chung, di sản Công giáo nói riêng là “văn hóa ngoại lai” khi không nhận được đầy đủ sự tin tưởng và thái độ hợp tác từ phía người Công giáo mỗi khi họ thực hiện chức trách quản lý của mình. Tình trạng trên có thể do sự thiếu thông tin, thiếu hiểu biết lẫn nhau, và có thể thay đổi nếu đôi bên hiểu nhau hơn.

Bên cạnh những mặt tích cực, di sản Công giáo cũng đem lại những rắc rối, chủ yếu liên quan đến vấn đề quyền sở hữu và vấn đề nhận thức chung. Do có một lịch sử truyền giáo khá phức tạp vào Việt Nam, người Công giáo Việt Nam cũng có mặc cảm tự ti, chủ yếu đến từ mối quan hệ

nhieuu “thăng trầm” giữa Công giáo với chính quyền ở các thời kỳ khác nhau trong lịch sử. Trong khi đó, người quản lý không phải ai cũng có được những hiểu biết cần thiết về Công giáo, dẫn đến việc đôi khi còn xử lý các sự vụ cụ thể một cách tùy tiện, quy chụp, nặng tư tưởng “địch - ta”.

Cho đến nay quần thể nhà thờ Phát Diệm là công trình duy nhất được cấp bằng di sản, tháp La Vang được gọi là “chứng tích tội ác chiến tranh”,... nhưng người Công giáo dường như không thấy vinh dự vì những điều đó, thậm chí còn có những biểu hiện chống đối chính quyền. Nguyên nhân của tình trạng trên theo chúng tôi là do sự “chuyển đổi quyền sở hữu”, tức là người Công giáo dường như cảm thấy mình bị tước đi quyền quản lý chi phối đối với tài sản của mình. Dù những phản ứng của người Công giáo có thể là sự vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam, thì nhà quản lý cũng phải nghiên cứu để tìm ra đâu là nguyên nhân gây ra mâu thuẫn và tìm cách khắc phục tối ưu nhất.

Để người Công giáo phát huy được giá trị của những di sản của mình trong quá trình phát triển của đất nước, tránh được những xung đột không đáng có giữa nhà quản lý với giới Công giáo Việt Nam, chúng tôi cho rằng cần dựa trên những nguyên tắc:

- Coi di sản Công giáo là một bộ phận cấu thành và bổ sung cho sự phong phú của văn hóa Việt Nam.

- Chấp nhận quy luật đào thải cái cũ, theo đó những di tích cũ nát, những phong tục không còn phù hợp với đời sống hiện đại, với tư tưởng canh tân, đổi mới của Giáo hội Công giáo thì có thể lưu trữ, hoặc loại bỏ.

- Khuyến khích lưu giữ những di tích cũ nhưng có giá trị đặc biệt trong việc thể hiện tinh thần hội nhập văn hóa dân tộc. Điều này cũng cần được áp dụng đối với các hình thức thực hành tôn giáo mang dấu ấn nhân văn, mang tính dân tộc.

- Đối với những di sản là các thư tịch, đặc biệt là các thư tịch được viết bằng ngoại ngữ, bằng chữ Hán Nôm, cần có những người dịch thuật và giới thiệu cho đông đảo mọi người được biết, đồng thời cần có những cách thức lưu giữ để tránh bị mai một.

- Nghiên cứu di sản Công giáo cũng phải đặc biệt chú ý đến các hiện vật tại các bảo tàng, và trong các bộ sưu tập cá nhân.

- Chấp nhận những lễ hội Công giáo, với điều kiện phải được đăng ký tổ chức và được đảm bảo về mặt an ninh trật tự./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Những ghi chép sớm nhất về việc truyền bá Công giáo vào Việt Nam được tìm thấy trong sách *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục*: “năm Nguyên Hòa nguyên niên (1533) đời Lê Trang Tông, có một dương nhân tên là I-Ni-Khu đi đường biển lên vào giảng đạo Gia Tô ở làng Ninh Cường, Quận Anh thuộc huyện Nam Chân và làng Trà Lũ thuộc huyện Giao Thủy”. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa tìm thấy những ghi chép đáng tin cậy về nhân vật lịch sử kể trên. Năm 1569 có Giám mục Diego Advarte người Tây Ban Nha đến xứ Đàng Ngoài, được vua Lê cho phép truyền giáo, sau vào Đàng Trong cũng được cho phép hoạt động tự do. Năm 1615 được coi là dấu mốc chính thức đánh dấu việc truyền giáo vào Việt Nam với sự kiện đoàn truyền giáo của Dòng Tên do Linh mục F. Buzomi dẫn đầu đến Cửa Hàn (thuộc Đà Nẵng ngày nay), cùng đi còn có Linh mục D. Carvalho và 3 trợ sĩ A. Dias, Joseph, P. Saito. Công việc truyền giáo ở Đàng Ngoài chính thức bắt đầu từ năm 1627 sau chuyến đi khá thành công của Linh mục Pedro Marques và Linh mục Alexandre de Rhodes đến Cửa Bạng (Thanh Hóa).
- 2 Theo thống kê, tính đến năm 2008 số lượng tín đồ Công giáo ở Việt Nam là hơn 6,18 triệu người, chiếm tỉ lệ 7,18% tổng dân số. Số cơ sở thờ tự của Công giáo là trên 6.000 và đang có xu hướng tăng, nhưng vẫn khá khiêm tốn so với số lượng hàng vạn cơ sở thờ tự của các tôn giáo, các dạng thức thực hành tôn giáo khác tại Việt Nam.
- 3 Đào Duy Anh (2003), *Hán Việt từ điển*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 97.
- 4 Bửu Kế (2009), *Từ điển Hán Việt từ nguyên*, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 433.
- 5 Võ Quang Trọng (chủ biên, 2010), *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội: 27.
- 6 Nguyễn Kim Loan (chủ biên, 2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 9.
- 7 Điều 1, Chương 1, *Luật Di sản văn hóa năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành* (Tái bản có bổ sung), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- 8 Nguyễn Kim Loan (chủ biên, 2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, sđd: 21 - 25.
- 9 Theo đó, di sản văn hóa được chia thành di sản văn hóa vật chất và di sản văn hóa tinh thần. *Di sản văn hóa vật chất* là những di sản thỏa mãn nhu cầu về vật chất của con người như nhà ở, quần áo, đồ dùng, món ăn..., còn *di sản văn hóa tinh thần* là những di sản thỏa mãn các nhu cầu tinh thần của con người như văn chương, nghệ thuật, tri thức...
- 10 Theo tiêu chí này, di sản văn hóa thông thường được chia thành di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể.
- 11 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 577.

- 12 Xem thêm: Phan Tấn Thành (2012), *Giải thích Giáo luật, Tập V: Tài sản - Chế tài - Tổ tụng*, Học viện Đa Minh Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
- 13 Vấn đề này cũng liên quan đến bộ môn Thánh Mẫu học (Magnificat).
- 14 Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, sđd: 366.
- 15 Việt Nam nói riêng, khu vực Đông Á chịu ảnh hưởng truyền thống của văn minh Trung Hoa nói chung.
- 16 Châu Âu nói chung và khu vực Tây Âu theo Công giáo Roma nói riêng.
- 17 Các dòng truyền giáo xuất hiện sớm và có ảnh hưởng mạnh đến Công giáo Việt Nam là: Dòng Tên (Societas Jesu, Jesuits), dòng Đa Minh (Dominicain), dòng Phan Sinh (còn gọi là Dòng Phanxicô, tên quốc tế Franciscans), dòng Âu Tinh (Augustino, Bô Đào Nha), và Hội Thừa sai Paris (Société des Missions Étrangères de Paris).
- 18 Ở Việt Nam có 4 “Vương cung thánh đường” là nhà thờ La Vang (Quảng Trị - đã bị hủy hoại trong chiến tranh, nay còn tháp chuông), nhà thờ Đức Bà Sài Gòn (Tp. Hồ Chí Minh), nhà thờ Phú Nhai (Nam Định), quần thể nhà thờ Sở Kiện (Hà Nam).
- 19 Như: Đền Thánh Lê Tuy (Hà Nội - một trung tâm hành hương lớn của Công giáo Việt Nam), Đền thánh Phú Nhai (Nam Định)...
- 20 Như Đức Mẹ La Vang (Quảng Trị - một trong những trung tâm hành hương lớn nhất của Công giáo Việt Nam hiện nay), Đức Mẹ Trà Kiệu (Quảng Nam), Đức Mẹ Măng Đen (Kon Tum)...
- 21 Như pháp trường ở Sơn Tây, Hải Dương, Nam Định... đi cùng với nó là những loại gong, cùm, dây trói, áo thấm máu... của những người Công giáo bị hành quyết (những hiện vật này vẫn được lưu giữ tại nhiều xứ đạo, và đôi khi vẫn được trưng bày trong các dịp lễ lớn của Công giáo, chẳng hạn như trong dịp khai mạc Năm Thánh 2010 tại Sở Kiện).
- 22 Như quần thể nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình).
- 23 Như Ninh Cường (Nam Định), Cửa Bạng (Thanh Hóa)...
- 24 Như văn, vè, các bài dân ca được ghi chép trong các sách chữ Hán - Nôm hoặc chữ Quốc ngữ.
- 25 Nguyễn Văn Huy, Vũ Thị Hà, Vũ Thị Thanh Tâm (2008), “Hành trình đi đến cuộc trưng bày sống trong bí tích - văn hóa công giáo đương đại Việt Nam”, trong *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7: 174 - 209.
- 26 Điều 4, Luật di sản văn hóa sửa đổi, bổ sung năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010: 8 - 9.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (2003), *Hán - Việt từ điển*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Bộ Giáo luật 1983*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Huy, Vũ Thị Hà, Vũ Thị Thanh Tâm (2008), “Hành trình đi đến cuộc trưng bày sống trong bí tích - văn hóa công giáo đương đại Việt Nam”, trong *Các công trình nghiên cứu của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, tập 7.
4. Bửu Kế (2009), *Từ điển Hán - Việt từ nguyên*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Nguyễn Kim Loan (chủ biên, 2014), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. *Luật Di sản văn hóa năm 2001 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và văn bản hướng dẫn thi hành* (Tái bản có bổ sung), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
7. Phan Tấn Thành (2012), *Giải thích Giáo luật, Tập V: Tài sản - Chế tài - Tổ tụng*, Học viện Đa Minh Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
8. Võ Quang Trọng (chủ biên, 2010), *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.

Abstract

DISCUSSION ON THE CATHOLIC HERITAGES IN VIETNAM

Catholicism was propagated in Vietnam for more than 400 years. And it is one of religions that has a large number of believers. During a long time, Vietnamese Catholics have created their material and spiritual values which were preserved according to the process of history. However, it seems that not all of those values were totally accepted by Catholics and non-Catholics. In contrast, some values/elements cause contradictions. Thus, there are diverse evaluation of Catholic values that consist of Catholic heritages. This text mentions views, categories and research on Catholic heritages in Vietnam. It also indicates the mode of conservation and employment these heritages.

Keywords: Catholicism, heritage, Vietnam.